

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST

Ngày 09-6-2023

V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phú;
2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiều – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-DS ngày 04 - 01-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-DS ngày 04 - 4 - 2023, Quyết định hoãn phiên tòa 77/2023/QĐST-DS ngày 20 - 4 - 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm K, thôn A, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Minh T; địa chỉ: Xóm V, thôn V, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 07-11-2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 21-12-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày:*

Giữa bà Võ Thị M và bà Trịnh Thị Minh T có mối quan hệ quen biết nhau.

Bà Trịnh Thị Minh T có vay tiền bà 03 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 20-3-2022 bà T vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả gốc là

ngày 20-4-2022; ngày 29-3-2022 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả gốc là ngày 29-4-2022 và ngày 14-4-2022 vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả gốc là 15 ngày. Lãi suất 1,5%/ tháng. Mục đích vay để kinh doanh thuốc tây, khi đến hạn trả nợ bà T không chịu trả, đóng cửa hiệu thuốc tây “M” và né tránh. Bà đã nhiều lần trực tiếp gặp bà T đòi nợ nhưng bà T hứa hẹn nhưng vẫn không chi trả.

Nay bà Võ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Minh T phải trả cho bà số tiền 133.000.000 đồng; trong đó tiền gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 30-4-2022 đến nay là 13.000.000 đồng (mức lãi suất 10%/năm).

2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2023, bị đơn bà Trịnh Thị Minh T trình bày:

Bà T thừa nhận có vay tiền của bà Võ Thị M 03 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 20-3-2022 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả gốc là ngày 20-4-2022; ngày 29-3-2022 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả gốc là ngày 29-4-2022 và ngày 14-4-2022 vay 20.000.000 đồng, thời hạn trả gốc là 15 ngày. Phương thức trả góp tiền gốc và lãi hàng ngày, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng, thời gian góp 02 tháng là xong cả gốc và lãi. Khi vay có viết giấy như bà M trình bày là đúng, trong các giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế các bên có thỏa thuận mức lãi suất là 10%/tháng. Bà đã trả cho bà M nhiều lần, trả trực tiếp bằng tiền mặt nhưng không nhớ cụ thể đã trả được bao nhiêu, sổ sách về việc trả nợ do bà M tự ghi chép và giữ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chưa đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 149, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 các Điều 26, 35, 91, 92, 96, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trịnh Thị Minh T phải trả cho bà Võ Thị M 120.000.000 đồng tiền gốc, 13.000.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Trịnh Thị Minh T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mạnh:

[2.1] Đối với yêu cầu về tiền gốc: Căn cứ vào các giấy nợ do bà M cung cấp thể hiện bà M có cho bà T vay 03 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng, cụ

thẻ: Ngày 20-3-2022 vay 50.000.000 đồng, ngày 29-3-2022 vay 50.000.000 đồng và ngày 14-4-2022 vay 20.000.000 đồng. Bà Trịnh Thị Minh T thừa nhận có vay của bà M số tiền 120.000.000 đồng theo các giấy nợ trên. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên có đủ căn cứ kết luận bà Trịnh Thị Minh T có vay của bà Võ Thị M số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Tại Giấy vay tiền đề ngày 20-3-2022 thể hiện thời hạn trả gốc là ngày 20-4-2022; giấy vay tiền đề ngày 29-3-2022 thời hạn trả gốc là ngày 29-4-2022 và giấy vay tiền đề ngày 14-4-2022 thời hạn trả gốc là 15 ngày. Bà M cho rằng từ ngày vay tiền đến nay bà T không trả nợ gốc và lãi theo cam kết, bà T trình bày đã trả góp mỗi ngày cho bà M 2.000.000 đồng, bà đã trả nhiều lần nhưng không nhớ đã trả được bao nhiêu vì sổ sách về việc trả nợ do bà M ghi và giữ sổ. Tòa án đã giải thích và yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc đã trả nợ cho bà M nhưng bà T không cung cấp. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy bà T cho rằng đã trả nợ gốc và lãi hàng ngày cho bà M nhưng không cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, việc bà M yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Các đương sự đều thừa nhận tuy trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng các bên có tính lãi đối với khoản vay trên (thỏa thuận miệng). Nguyên đơn cho rằng mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng (18%/năm), bị đơn trình bày mức lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng (120%/năm). Như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà M yêu cầu bà T trả tiền lãi từ ngày 30/4/2022 đến ngày 09/6/2023 số tiền 13.280.000 đồng ($120.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 13.280.000 \text{ đồng}$). Tại phiên tòa, bà M chỉ yêu cầu bà T trả lãi số tiền 13.000.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.2] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M nên bà T phải chịu 6.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: $133.000.00 \text{ đồng} \times 5\% = 6.650.000 \text{ đồng}$) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà M.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 các Điều 26, 35, 91, 92, 96, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Trịnh Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị M số tiền 133.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu đồng*).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Bà Trịnh Thị Minh T phải chịu 6.650.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thị M số tiền 3.270.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000 4349 ngày 27,-12 -2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh